

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	139883	2	NGUYỄN NGỌC MINH ANH	26/10/2004	Nữ	9A1	6.75	6.5	6	0	32
2	140034	8	LÂM MAI HƯƠNG GIANG	03/01/2004	Nữ	9A1	6.5	6	6.75	0	32.5
3	140051	9	CHÂU ĐÀM BẢO HÂN	28/09/2004	Nữ	9A1	8	7.75	8.25	1	41.25
4	140054	9	NGUYỄN THỊ GIA HÂN	16/09/2004	Nữ	9A1	7.5	6.75	7.75	0	37.25
5	140097	11	HỒ MINH HÙNG	18/08/2004	Nam	9A1	8.75	8.75	8.75	0	43.75
6	140322	20	HUỲNH THIỀU BẢO NGHI	19/11/2004	Nữ	9A1	6.75	7	7	0	34.5
7	140346	1	VÕ THANH KIM NGỌC	06/09/2004	Nữ	9A1	7.75	8.25	7.5	0	38.75
8	140401	4	THIỀU QUỲNH NHƯ	20/02/2004	Nữ	9A1	8.25	6.75	8	0	39.25
9	140407	4	ĐẶNG ĐỨC PHÁT	06/01/2004	Nam	9A1	6.75	7.5	6.25	0	33.5
10	140444	5	NGUYỄN HOÀNG MAI PHƯƠNG	25/10/2004	Nữ	9A1	7.5	9.25	9.5	0	43.25
11	140472	6	TRẦN PHAN XUÂN QUANG	30/04/2004	Nam	9A1	6.25	7	7.5	0	34.5
12	140491	7	TRẦN NGỌC THÁI SƠN	10/08/2004	Nam	9A1	7.5	8.5	7	0	37.5
13	140586	11	NGUYỄN THANH HOÀI THƯƠNG	28/10/2004	Nữ	9A1	6.75	9	7	0	36.5
14	140696	16	NGUYỄN THỊ MAI VÂN	17/04/2004	Nữ	9A1	7.25	7	3.5	0	28.5
15	140723	17	LÊ NGUYỄN THẢO VY	12/11/2004	Nữ	9A1	8	7.75	6.5	0	36.75
16	140726	17	NGUYỄN ĐẶNG TƯỜNG VY	07/10/2004	Nữ	9A1	7.25	7.75	8	0	38.25
Tổng cộng có tất cả: 16 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	139881	2	NGUYỄN LÊ QUỲNH ANH	19/12/2004	Nữ	9A2	6.25	4.25	4.75	0	26.25
2	139898	3	PHAN LÊ VÂN ANH	29/01/2004	Nữ	9A2	7.75	6.75	5	0	32.25
3	139904	3	TRẦN MAI QUẾ ANH	06/11/2004	Nữ	9A2	7.5	4.5	5.5	0	30.5
4	139946	5	NGUYỄN THẮNG CA	26/08/2004	Nữ	9A2	7.25	7	5	0	31.5
5	139960	5	NGUYỄN PHẠM QUỲNH CHI	28/12/2004	Nữ	9A2	8.25	6.25	5.25	0	33.25
6	139969	6	TRƯƠNG NGUYỄN KHOA ĐĂNG	02/11/2004	Nam	9A2	7.5	6	4	0	29
7	139976	6	LÊ TRẦN THÀNH ĐẠT	18/03/2004	Nam	9A2	7.5	5.25	6.25	0	32.75
8	140075	10	PHẠM NGUYỄN MINH HIẾU	25/01/2004	Nam	9A2	6.75	9	5.75	0	34
9	140105	11	BÙI NGỌC NAM HƯƠNG	19/03/2004	Nữ	9A2	6	4	4.5	0	25
10	140109	11	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	15/06/2004	Nữ	9A2	7.25	4.5	4.25	0	27.5
11	140162	14	NGUYỄN LÊ NGỌC KHÁNH	08/04/2004	Nữ	9A2	7.75	8	4.25	0	32
12	140163	14	NGUYỄN VÕ HỒNG KHÁNH	03/09/2004	Nữ	9A2	7	4.25	5.5	0	29.25
13	140208	15	NGUYỄN NHẬT LÂM	20/11/2004	Nam	9A2	7.25	8.75	6.25	0	35.75
14	140224	16	NGUYỄN PHAN THÙY LINH	03/07/2004	Nữ	9A2	8	5.25	5.25	0	31.75
15	140227	16	PHẠM THÁI VIỆT LINH	06/05/2004	Nữ	9A2	7	4	4	0	26
16	140231	16	TRẦN PHẠM GIA LINH	19/09/2004	Nữ	9A2	6.75	5.25	4.5	0	27.75
17	140234	17	TRẦN THÙY LINH	06/09/2004	Nữ	9A2	0	0	0	0	0
18	140251	17	TRẦN NGUYỄN HOÀNG LONG	08/01/2004	Nam	9A2	6	4.5	5.25	0	27
19	140293	19	TRẦN NGỌC TRÀ MY	03/11/2004	Nữ	9A2	6	8	6.25	0	32.5
20	140294	19	VÕ HUỲNH MỘNG TRÀ MY	09/12/2004	Nữ	9A2	5.25	3.75	3.75	0	21.75
21	140333	1	HUỲNH TIÊN BẢO NGỌC	07/09/2004	Nữ	9A2	7.5	7.5	6.75	0	36

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	140348	1	BÙI LÊ THẢO NGUYỄN	24/09/2004	Nữ	9A2	6.25	7.5	6.5	0	33
23	140373	2	HUỖNH NGUYỄN YẾN NHI	12/05/2004	Nữ	9A2	7.25	6	3.25	0	27
24	140391	3	TRẦN NGUYỄN LINH NHU	13/03/2004	Nữ	9A2	7.75	4.5	6	1	33
25	140421	4	THANG NGUYỄN GIA PHÚ	29/04/2004	Nam	9A2	5.25	4	1	0	16.5
26	140428	5	NGUYỄN MINH PHÚC	05/11/2004	Nam	9A2	6.5	6.75	5	0	29.75
27	140435	5	LÊ MAI PHƯỚC	02/08/2004	Nam	9A2	6	7.25	4	0	27.25
28	140438	5	CHU HỒNG PHƯƠNG	04/09/2004	Nữ	9A2	6.25	6.75	5.25	0	29.75
29	140446	5	NGUYỄN HOÀNG UYÊN PHƯƠNG	17/01/2004	Nữ	9A2	7.25	5.75	4.25	0	28.75
30	140481	7	NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH	23/08/2004	Nữ	9A2	7.5	6.75	6.5	0	34.75
31	140525	9	TRƯƠNG MINH THÀNH	06/12/2004	Nam	9A2	6.5	8	5.75	0	32.5
32	140578	11	TRẦN MINH ANH THƯ	27/10/2004	Nữ	9A2	6.5	7.25	6	0	32.25
33	140583	11	CAO ĐĂNG THUẬN	06/07/2004	Nam	9A2	7	8.25	6.5	0	35.25
34	140678	15	NGUYỄN TRẦN GIA TƯỜNG	01/01/2004	Nam	9A2	6.5	8.75	7.5	0	36.75
35	140690	16	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO UYÊN	29/06/2004	Nữ	9A2	6.75	8.5	5.75	0	33.5
36	140697	16	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VÂN	28/06/2004	Nữ	9A2	7.5	5.5	7.5	0	35.5
37	140702	16	NGUYỄN TRẦN THẢO VI	19/12/2004	Nữ	9A2	6.5	7	3.5	0	27
38	140705	16	LÝ THẾ VINH	30/09/2004	Nam	9A2	7	6.5	7.25	0	35
39	140727	17	NGUYỄN HOÀNG THÚY VY	16/05/2004	Nữ	9A2	6.75	5	5.5	0	29.5
40	140737	18	TRẦN TƯỜNG VY	07/08/2004	Nữ	9A2	7.75	7.25	6.25	0	35.25
Tổng cộng có tất cả: 40 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	139951	5	NGUYỄN HOÀNG NGỌC CHÂU	14/04/2004	Nữ	9A3	7	4	5	0	28
2	139982	6	NGUYỄN KIỀU DIỄM	26/06/2004	Nữ	9A3	7.25	7.25	6.5	0	34.75
3	139988	6	BẢO PHẠM DOANH DOANH	04/06/2004	Nữ	9A3	7.25	6.25	4.75	0	30.25
4	140010	7	ĐOÀN THÙY DƯƠNG	13/06/2004	Nữ	9A3	8	3.75	7.25	0	34.25
5	140048	9	PHẠM ĐỨC HẢI	07/03/2004	Nam	9A3	7.5	6.5	8.25	0	38
6	140077	10	TRẦN TRUNG HIẾU	08/04/2004	Nam	9A3	7.5	4.75	4.75	0	29.25
7	140090	11	TÓNG XUÂN HOÀNG	13/01/2004	Nam	9A3	8.75	6.75	9.5	0	43.25
8	140112	11	TRƯƠNG NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	24/08/2004	Nữ	9A3	8.25	6	6.75	0	36
9	140114	12	VÕ THỊ THANH HƯƠNG	06/11/2004	Nữ	9A3	6.75	5.25	5	0	28.75
10	140116	12	ĐỖ GIA HUY	06/08/2004	Nam	9A3	8.5	6.5	8.75	0	41
11	140120	12	NGÔ HOÀNG HUY	15/06/2004	Nam	9A3	8.5	7.25	7.75	0	39.75
12	140177	14	NGUYỄN TUẤN KHOA	23/08/2004	Nam	9A3	8.25	6.25	7.5	0	37.75
13	140225	16	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	07/09/2004	Nữ	9A3	8.25	5.5	6.75	0	35.5
14	140262	18	PHẠM TRIỆU MÃN	25/04/2004	Nữ	9A3	8.25	7.25	7.5	0	38.75
15	140279	18	PHẠM NGỌC MINH	12/06/2004	Nam	9A3	7.25	5.25	8	0	35.75
16	140352	1	PHẠM HOÀNG ĐỨC NGUYỄN	23/06/2004	Nam	9A3	7.5	6	9	0	39
17	140365	2	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG NHẬT	15/02/2004	Nam	9A3	7.25	6.75	5.75	0	32.75
18	140398	3	NGUYỄN TRẦN MINH NHƯ	03/03/2004	Nữ	9A3	6.75	7.25	6.75	0	34.25
19	140467	6	VÕ NGUYỄN MINH QUÂN	20/05/2004	Nam	9A3	7.75	6.5	6.75	0	35.5
20	140512	8	NGUYỄN VĂN THẮNG	23/05/2004	Nam	9A3	6.75	6.75	8	0	36.25
21	140519	8	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG THANH	30/01/2004	Nữ	9A3	8	3.75	5.25	0	30.25

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	140523	9	PHẠM TRƯỜNG THÀNH	30/09/2004	Nam	9A3	6.75	9	6.25	0	35
23	140539	9	TRẦN PHƯƠNG THẢO	04/12/2004	Nữ	9A3	8.75	8	6.25	0	38
24	140541	9	TRẦN THỊ MAI THI	21/01/2004	Nữ	9A3	8.25	5.5	5.5	0	33
25	140570	11	PHẠM HOÀNG MINH THƯ	28/11/2004	Nữ	9A3	7	8.75	7.75	0	38.25
26	140655	14	TRỊNH PHÚC MINH TRUNG	29/11/2004	Nam	9A3	7.25	6.75	5	0	31.25
27	140671	15	BÙI THẾ TÙNG	15/04/2004	Nam	9A3	7.5	7.75	7.25	0	37.25
28	140733	17	TẠ LÊ THẢO VY	22/11/2004	Nữ	9A3	7.75	5.25	6.75	0	34.25
Tổng cộng có tất cả: 28 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	139869	1	LÊ HỒNG ANH	06/11/2004	Nữ	9A4	8	7.5	6.75	0	37
2	139901	3	TRẦN ĐỨC ANH	13/01/2004	Nam	9A4	6.75	5	4.25	0	27
3	139967	5	LÊ PHAN TIẾN ĐẠI	27/02/2004	Nam	9A4	6.75	4.5	3.5	0	25
4	139968	5	NGUYỄN HẢI DUY ĐĂNG	26/03/2004	Nam	9A4	7.75	5.5	3.5	0	28
5	139999	7	TRẦN HỒ NGUYỄN ĐỨC	30/05/2004	Nam	9A4	5.5	7.75	5.75	0	30.25
6	140013	7	PHẠM TÙNG DƯƠNG	01/07/2004	Nam	9A4	7.5	2.75	4.25	0	26.25
7	140035	8	LÊ GIANG GIANG	13/12/2004	Nữ	9A4	5.75	2.5	3	0	20
8	140038	8	QUẢNG NGỌC GIAO	31/10/2004	Nữ	9A4	6.75	3.75	4.75	0	26.75
9	140062	9	LƯƠNG THỤY ĐỨC HẠNH	23/07/2004	Nữ	9A4	8	6	5.75	0	33.5
10	140069	10	LÊ HOÀNG HIỆP	22/07/2004	Nam	9A4	8.25	7	8	0	39.5
11	140094	11	LÊ THỊ KIM HỒNG	30/10/2004	Nữ	9A4	7.25	3	4.5	0	26.5
12	140106	11	HUỲNH NGUYỄN SONG HƯƠNG	12/11/2004	Nữ	9A4	7	5.25	6.5	0	32.25
13	140113	12	VÕ SÔNG HƯƠNG	10/06/2004	Nữ	9A4	5.75	3.75	3.5	0	22.25
14	140168	14	ĐẶNG TRẦN ANH KHOA	22/03/2004	Nam	9A4	7	6	6.25	0	32.5
15	140178	14	NGUYỄN XUÂN ANH KHOA	22/06/2004	Nam	9A4	5	2.75	3.25	0	19.25
16	140183	14	NGUYỄN ĐÌNH ĐĂNG KHÔI	19/10/2004	Nam	9A4	8.25	8.25	9.5	0	43.75
17	140209	16	LỮ NGUYỄN MỸ PHƯƠNG LAN	01/11/2004	Nữ	9A4	5.75	5	3.5	0	23.5
18	140289	19	PHẠM TRÀ MY	11/09/2004	Nữ	9A4	7	4.75	5.25	0	29.25
19	140291	19	PHAN THỊ TRÀ MY	07/01/2004	Nữ	9A4	8	6.75	5.5	0	33.75
20	140298	19	NGUYỄN PHẠM HOÀNG NAM	31/01/2004	Nam	9A4	3.5	5.5	2.75	0	18
21	140345	1	TRANG NGUYỄN KIM NGỌC	24/06/2004	Nam	9A4	6.25	5	4	0	25.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	140405	4	VŨ THỊ TUYẾT NHUNG	09/12/2004	Nữ	9A4	7.25	3.5	4	0	26
23	140420	4	NGUYỄN VÕ THÀNH PHÚ	07/05/2004	Nam	9A4	5.25	4	2.5	0	19.5
24	140466	6	TRẦN VĂN QUÂN	21/10/2004	Nam	9A4	7.25	4	4.5	0	27.5
25	140471	6	TRẦN ĐẠI QUANG	01/06/2004	Nam	9A4	6.5	3.75	6	0	28.75
26	140477	7	LÊ NGÔ NHƯ QUỲNH	16/11/2004	Nữ	9A4	7.25	7.75	5.25	0	32.75
27	140504	8	TRẦN THU TÂM	13/11/2004	Nữ	9A4	5.25	2.75	3.5	1	21.25
28	140517	8	NGUYỄN NGỌC MAI THANH	15/11/2004	Nữ	9A4	6.5	7.25	7	0	34.25
29	140547	10	HỒ ANH THIÊN	19/05/2004	Nam	9A4	7.5	7.75	8.25	0	39.25
30	140552	10	MAI NGUYỄN HỮU THỊNH	10/01/2004	Nam	9A4	6.5	4	4	0	25
31	140554	10	TẶNG TRƯỜNG THỊNH	27/07/2004	Nam	9A4	8.5	4	5.5	0	32
32	140564	10	LÊ ANH MINH THU	25/12/2004	Nữ	9A4	5.75	5.25	5	0	26.75
33	140566	10	LÊ NGUYỄN ANH THU	05/07/2004	Nữ	9A4	7	5.5	5.75	0	31
34	140575	11	PHAN NGUYỄN MINH THU	06/03/2004	Nữ	9A4	6.75	6.75	5	0	30.25
35	140606	12	NGUYỄN NHẬT TIẾN	09/07/2004	Nam	9A4	6.75	4	3.75	1.5	26.5
36	140632	13	VŨ THỊ ĐOAN TRANG	13/03/2004	Nữ	9A4	6.25	3.5	5	0	26
37	140665	15	ĐỖ ANH TUẤN	06/05/2004	Nam	9A4	4.25	4.5	4.25	0	21.5
38	140681	15	MAI ÁNH TUYẾT	22/10/2004	Nữ	9A4	7.5	2.5	5.5	0	28.5
39	140689	16	NGUYỄN NGỌC TÂM UYÊN	01/06/2004	Nữ	9A4	6.75	6.25	6.5	0	32.75
40	140695	16	NGÔ THANH VÂN	17/02/2004	Nữ	9A4	8.25	3.5	6.5	0	33
Tổng cộng có tất cả: 40 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	139849	1	ĐINH NGUYỄN MINH AN	31/01/2004	Nữ	9A5	7	4.5	5.75	0	30
2	139870	1	LÊ HUYỀN BẢO ANH	25/08/2004	Nữ	9A5	6	1.25	4	1	22.25
3	139877	2	NGUYỄN ĐÌNH QUANG ANH	11/12/2004	Nam	9A5	5	6	5.75	0	27.5
4	139961	5	NGUYỄN QUỲNH THẢO CHI	11/09/2004	Nữ	9A5	6.5	5.75	5.25	0	29.25
5	139991	6	TẠ QUANG ĐÔNG	19/07/2004	Nam	9A5	6.5	7.5	5.25	0	31
6	140000	7	VŨ HỒNG ÂN ĐỨC	02/10/2003	Nam	9A5	5.5	5.5	2	0	20.5
7	140011	7	NGUYỄN HẢI DƯƠNG	09/08/2004	Nam	9A5	6.25	4	5	0	26.5
8	140012	7	PHẠM ÁNH DƯƠNG	01/10/2004	Nam	9A5	4.5	4	2.75	0	18.5
9	140024	8	VÕ LÊ ĐĂNG DUY	21/10/2004	Nam	9A5	6.5	5	2	0	22
10	140086	10	NGUYỄN THỊ THU HOÀNG	07/01/2004	Nữ	9A5	4	2.75	4.25	0	19.25
11	140145	13	TRẦN ĐỨC HUYNH	25/04/2004	Nam	9A5	6.75	5.75	3.25	0	25.75
12	140148	13	CAO HOÀNG KHANG	13/01/2004	Nam	9A5	5.25	4.25	5	0	24.75
13	140212	16	HOÀNG HỮU NHẤT LINH	08/09/2003	Nam	9A5	6.25	7.25	6	0	31.75
14	140216	16	LÊ THỊ DIỆU LINH	23/06/2003	Nữ	9A5	6.25	1.75	3.5	0	21.25
15	140233	17	TRẦN THỊ NGUYỆT LINH	20/08/2004	Nữ	9A5	7.75	5.5	7.25	0	35.5
16	140300	19	NGUYỄN VĂN NAM	24/01/2004	Nam	9A5	7.5	4	5.5	0	30
17	140311	20	LÊ THANH NGÂN	28/04/2004	Nữ	9A5	5	6	0.5	0	17
18	140347	1	NGUYỄN THÁI NGƯ	04/09/2004	Nữ	9A5	6	2.5	4.75	0	24
19	140424	4	HUỲNH LÊ HỒNG PHÚC	26/11/2004	Nam	9A5	6	5.25	5.25	0	27.75
20	140430	5	TÔ NGUYỄN HOÀNG PHÚC	03/09/2004	Nam	9A5	7	7.75	10	0	41.75
21	140432	5	LƯƠNG PHẠM KIM PHỤNG	24/09/2004	Nữ	9A5	6.25	4.75	3.75	0	24.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	140470	6	NGUYỄN MINH QUANG	11/12/2004	Nam	9A5	5.5	2.75	4.5	0	22.75
23	140483	7	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG QUỲNH	16/11/2004	Nữ	9A5	7	6.25	4.75	0	29.75
24	140489	7	ĐỖ HỒNG SƠN	19/01/2004	Nam	9A5	7	5	5	0	29
25	140508	8	NGUYỄN HỮU THÁI	25/10/2004	Nam	9A5	5.5	3.25	4	0	22.25
26	140526	9	LUU KIM THAO	09/01/2004	Nam	9A5	5	1.25	4	0	19.25
27	140535	9	NGUYỄN THANH THẢO	03/02/2004	Nữ	9A5	8	8	6.5	0	37
28	140572	11	PHẠM TRƯỜNG NGỌC MINH THU	02/10/2003	Nữ	9A5	5	4	5.5	0	25
29	140584	11	ĐỒNG THỊ HỒNG THỰC	28/10/2004	Nữ	9A5	7.75	4.5	4.5	0	29
30	140618	13	LÊ NGỌC BẢO TRÂN	22/03/2004	Nữ	9A5	7.5	5	4.25	0	28.5
31	140657	14	MAI TUẤN TÚ	23/06/2004	Nam	9A5	5.75	6.75	6	0	30.25
32	140660	14	NGUYỄN LÊ THANH TÚ	27/07/2004	Nữ	9A5	6.25	4	4.5	0	25.5
33	140667	15	NGÔ VŨ ANH TUẤN	29/06/2004	Nam	9A5	5	4	1.75	0	17.5
34	140673	15	NGUYỄN THANH TÙNG	01/09/2004	Nam	9A5	0	0	0	0	0
35	140677	15	NGUYỄN MẠNH TƯỜNG	09/12/2004	Nam	9A5	5.5	4.5	4	0	23.5
36	140718	17	ĐỖ PHƯƠNG THẢO VY	05/08/2004	Nữ	9A5	8	5.5	5.25	0	32
37	140724	17	LÊ THẢO VY	07/12/2004	Nữ	9A5	6.5	5.25	6	0	30.25
38	140728	17	NGUYỄN LÊ HOÀNG VY	15/12/2004	Nữ	9A5	6.25	4.25	4.75	0	26.25
39	140730	17	NGUYỄN VƯƠNG KHÁNH VY	23/04/2004	Nữ	9A5	5.5	3.25	6.25	0	26.75
40	140740	18	NGUYỄN VIỆT NGỌC VỸ	05/11/2004	Nam	9A5	3.25	2.25	2.25	0	13.25
41	140746	18	VŨ THỊ HẢI YẾN	04/01/2004	Nữ	9A5	5.75	1.5	4.5	0	22
Tổng cộng có tất cả: 41 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	139886	2	NGUYỄN THỊ LAN ANH	09/05/2004	Nữ	9A6	7	4.5	5.25	0	29
2	139888	2	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	01/07/2004	Nữ	9A6	0	0	0	0	0
3	139920	3	ĐẶNG ĐÌNH BẢO	20/10/2004	Nam	9A6	7.75	4.25	8.75	0	37.25
4	139921	4	ĐẶNG GIA BẢO	20/08/2004	Nam	9A6	6.25	7.5	6	0	32
5	139962	5	PHÙNG NGUYỄN LAN CHI	20/12/2004	Nữ	9A6	6.5	4	5.5	0	28
6	139993	7	NGUYỄN ÂN ĐỨC	11/09/2004	Nam	9A6	5.5	6.5	2.5	0	22.5
7	140019	8	LÊ BẢO DUY	27/05/2004	Nam	9A6	6	3.25	3.75	0	22.75
8	140021	8	NGUYỄN VĂN DUY	15/06/2004	Nam	9A6	5.25	2.25	1.5	0	15.75
9	140023	8	TRẦN HOÀNG DUY	07/01/2003	Nam	9A6	5.75	1.25	0.75	0	14.25
10	140028	8	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	12/12/2004	Nữ	9A6	7.75	6.75	7	0	36.25
11	140073	10	NGUYỄN MINH HIẾU	03/11/2004	Nam	9A6	6	2.75	5.25	0	25.25
12	140082	10	HUỲNH HUY HOÀNG	28/03/2004	Nam	9A6	5.75	6	3.75	0	25
13	140093	11	VŨ SỸ HỌC	01/06/2004	Nam	9A6	7.25	5.75	6	0	32.25
14	140111	11	PHAN THU HƯƠNG	09/01/2004	Nữ	9A6	6.25	6.5	6.5	0	32
15	140115	12	VŨ THỊ LAN HƯƠNG	22/08/2004	Nữ	9A6	7.25	3.75	5.75	0	29.75
16	140190	15	NGUYỄN TIẾN KHUÊ	05/01/2004	Nam	9A6	5	2.75	5	0	22.75
17	140192	15	TRẦN TRUNG KIÊN	24/10/2004	Nam	9A6	6.75	3	4.5	0	25.5
18	140221	16	NGUYỄN KHÁNH LINH	30/10/2004	Nữ	9A6	5.75	2.75	2.5	0	19.25
19	140228	16	PHẠM THÙY LINH	09/05/2004	Nữ	9A6	5.25	3	4	0	21.5
20	140239	17	HUỲNH CÔNG BẢO LỘC	22/06/2004	Nam	9A6	6	3.75	4.5	0	24.75
21	140299	19	NGUYỄN THANH NAM	01/07/2004	Nam	9A6	5.5	4.5	2.25	0	20

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	140328	20	HOÀNG THIÊN NGHĨA	04/11/2004	Nam	9A6	7.5	3.5	5.25	0	29
23	140349	1	LÊ TRỌNG NGUYỄN	30/10/2004	Nam	9A6	7.25	5.5	7	0	34
24	140381	3	NGUYỄN THỊ NGỌC NHI	20/05/2004	Nữ	9A6	7.75	2	4.25	0	26
25	140382	3	NGUYỄN TRẦN LINH NHI	16/03/2004	Nữ	9A6	6.5	4.25	3.5	0	24.25
26	140397	3	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	31/12/2004	Nữ	9A6	6.75	4	4.5	0	26.5
27	140464	6	TRẦN NGUYỄN ANH QUÂN	24/09/2004	Nam	9A6	6.5	6	4.5	0	28
28	140502	8	TRẦN KHÁNH TÂM	14/10/2004	Nữ	9A6	5.75	3.5	4.75	0	24.5
29	140509	8	NGUYỄN QUỐC THÁI	14/09/2004	Nam	9A6	5.75	3.25	5.5	0	25.75
30	140520	8	NGUYỄN CHÍ THÀNH	31/07/2004	Nam	9A6	6.5	4.5	5.5	0	28.5
31	140534	9	LÊ THU THẢO	08/11/2004	Nữ	9A6	8	6.25	9	0	40.25
32	140540	9	TRƯƠNG TRẦN PHƯƠNG THẢO	02/06/2004	Nữ	9A6	8.5	7	5.75	0	35.5
33	140588	11	NGUYỄN PHAN MINH THÙY	21/02/2004	Nữ	9A6	6.5	4.25	6.25	0	29.75
34	140604	12	NGUYỄN LƯƠNG VĨNH TIẾN	23/12/2004	Nam	9A6	5.25	6.5	4.75	0	26.5
35	140609	12	TRẦN THU TRÀ	28/03/2004	Nữ	9A6	7.25	3.25	4	0	25.75
36	140627	13	NGUYỄN THỊ THUỶ TRANG	28/04/2004	Nữ	9A6	8	4	6	0	32
37	140649	14	NGUYỄN THỊ KIM TRÚC	15/03/2004	Nữ	9A6	6	3.75	4.25	0	24.25
38	140684	15	ĐỖ NGUYỄN NHÃ UYÊN	03/05/2004	Nữ	9A6	6	1.75	2.25	0	18.25
39	140716	17	NGUYỄN ĐÌNH ANH VƯƠNG	09/07/2004	Nam	9A6	6	7.25	6.75	0	32.75
Tổng cộng có tất cả: 39 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019**BẢNG KẾT QUẢ****Trường: THCS ÂU LẠC****Loại hình: Tuyển sinh 10**

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	139873	2	LƯU PHẠM PHƯƠNG ANH	22/02/2004	Nữ	9A7	7.25	3.25	2.75	0	23.25
2	139895	2	PHẠM PHƯƠNG ANH	01/01/2004	Nữ	9A7	6.5	6.75	3.25	0	26.25
3	139902	3	TRẦN HÙNG ANH	21/04/2003	Nam	9A7	3.25	2.25	2.25	0	13.25
4	139906	3	TRẦN PHƯƠNG ANH	25/06/2004	Nữ	9A7	7	7.5	4.5	0	30.5
5	139936	4	TRẦN TRỌNG BẢO	19/11/2004	Nam	9A7	6	2	6	0	26
6	139978	6	TRẦN PHÁT ĐẠT	25/11/2004	Nam	9A7	4.5	6.5	4.75	0	25
7	140006	7	NGUYỄN TIẾN DŨNG	21/09/2004	Nam	9A7	6.75	2.5	5.5	0	27
8	140014	7	TRẦN HOÀNG THÙY DƯƠNG	24/04/2004	Nữ	9A7	7.5	6	4.75	0	30.5
9	140042	9	HOÀNG DƯƠNG NGUYỆT HÀ	22/02/2004	Nữ	9A7	7.5	6	3.5	0	28
10	140046	9	VŨ THỊ THU HÀ	20/12/2004	Nữ	9A7	7	3.25	4	0	25.25
11	140071	10	ĐỖ QUANG HIẾU	01/03/2004	Nam	9A7	6.5	7	4.25	0	28.5
12	140076	10	PHAN VŨ MINH HIẾU	09/08/2004	Nam	9A7	6.75	1.5	4.75	0	24.5
13	140098	11	LÂM NGUYỄN HƯNG	21/04/2004	Nam	9A7	6.75	5	5.25	0	29
14	140122	12	NGUYỄN ĐỨC HUY	19/11/2004	Nam	9A7	5	2	0.5	0	13
15	140165	14	VĂN HỒNG KHÁNH	06/09/2004	Nữ	9A7	7.75	6	7.5	0	36.5
16	140214	16	LÊ NGUYỄN THÙY LINH	29/09/2004	Nữ	9A7	0	0	0	0	0
17	140256	17	LÊ HUYỀN MAI	13/07/2004	Nữ	9A7	5.5	3	4	0	22
18	140332	1	HÀ THỊ TUYẾT NGỌC	27/05/2004	Nữ	9A7	6.25	4.25	2.5	0	21.75
19	140336	1	LÊ HUỲNH BẢO NGỌC	04/07/2004	Nữ	9A7	7	5.25	4	0	27.25
20	140354	2	SÁI TRẦN KHÔI NGUYỄN	06/06/2004	Nam	9A7	6	2.75	3	0	20.75
21	140356	2	PHAN NGUYỄN	31/12/2004	Nam	9A7	5	2	1.75	0	15.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	140366	2	TRẦN QUANG NHẬT	20/11/2004	Nam	9A7	7.5	4.25	5.25	0	29.75
23	140385	3	NGUYỄN VŨ YẾN NHI	01/11/2004	Nữ	9A7	8.75	8	7.25	0	40
24	140414	4	MÃ NHẬT PHONG	22/09/2004	Nam	9A7	5.25	5.5	4.75	0	25.5
25	140431	5	TRẦN TRỌNG PHÚC	19/11/2004	Nam	9A7	5.75	3.5	4.75	0	24.5
26	140449	6	VÕ THỊ MỸ PHƯƠNG	06/05/2004	Nữ	9A7	6.25	2.75	5	0	25.25
27	140475	7	ĐÀM THẬN QUÝ	02/12/2004	Nam	9A7	6.25	5.25	3.5	0	24.75
28	140488	7	BÙI NGỌC SƠN	31/07/2004	Nam	9A7	6	6.25	4.5	0	27.25
29	140533	9	DƯƠNG TRẦN PHƯƠNG THẢO	01/04/2004	Nữ	9A7	8	7.25	7.25	0	37.75
30	140577	11	TRẦN MINH THU	12/05/2004	Nữ	9A7	7	5.5	4.75	0	29
31	140589	11	ĐẶNG VŨ HOÀNG THUYỀN	09/09/2004	Nữ	9A7	7	7.25	6.75	0	34.75
32	140602	12	LÊ HOÀNG ANH TIẾN	16/07/2004	Nam	9A7	6	4.75	4.5	0	25.75
33	140621	13	PHẠM TÚ TRÂN	25/12/2004	Nữ	9A7	0	0	0	0	0
34	140626	13	NGUYỄN NGỌC MỸ TRANG	13/07/2004	Nữ	9A7	7	3.25	3.75	0	24.75
35	140647	14	NGUYỄN HOÀNG ANH TRÚC	03/07/2004	Nữ	9A7	7	4.25	3	0	24.25
36	140700	16	THƯỢNG ĐÌNH VĂN	18/11/2004	Nam	9A7	5.75	3.5	4.25	0	23.5
37	140701	16	LÂM NGỌC GIA VI	02/10/2004	Nữ	9A7	7.25	3	5	1	28.5
38	140741	18	THẠCH KIM XUÂN	11/12/2004	Nữ	9A7	4.25	5	3	1	20.5
Tổng cộng có tất cả: 38 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	139853	1	LÊ QUỐC AN	28/07/2004	Nam	9A8	7.5	4	5.5	0	30
2	139908	3	TRẦN VĂN ANH	07/09/2004	Nữ	9A8	6.5	6	6.5	0	32
3	139992	6	ĐOÀN MINH ĐỨC	28/12/2004	Nam	9A8	5.75	3.25	4.5	0	23.75
4	139995	7	NGUYỄN HUỖNH ĐỨC	20/04/2004	Nam	9A8	6	4.75	5.75	0	28.25
5	140001	7	PHẠM NGUYỄN HOÀNG DUNG	06/12/2004	Nữ	9A8	6	5.75	5	0	27.75
6	140009	7	ĐẶNG ÁNH DƯƠNG	19/05/2004	Nữ	9A8	7.5	5.5	5	0	30.5
7	140037	8	VÕ NGỌC HÀ GIANG	19/01/2004	Nữ	9A8	6.5	3	2.5	0	21
8	140040	8	TRẦN NGỌC GIÀU	21/05/2004	Nữ	9A8	6.5	4.25	3	0	23.25
9	140053	9	LÊ NGỌC BẢO HÂN	02/01/2004	Nữ	9A8	4	4.25	4.75	0	21.75
10	140125	12	NGUYỄN NHẬT HUY	14/08/2004	Nam	9A8	6.75	5	2.75	0	24
11	140127	12	NGUYỄN QUỐC HUY	07/03/2004	Nam	9A8	6.75	6	4.75	0	29
12	140146	13	TRẦN KHÁNH HY	12/02/2004	Nam	9A8	7	9.5	7.75	0	39
13	140173	14	MAI THIÊN KHOA	04/01/2004	Nam	9A8	5.25	3.5	5	0	24
14	140174	14	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	11/11/2004	Nam	9A8	7	6	6.75	0	33.5
15	140181	14	MAI THIÊN KHÔI	04/01/2004	Nam	9A8	3.75	1.75	3.25	0	15.75
16	140202	15	HUỖNH KIM MỸ KIM	17/01/2004	Nữ	9A8	6.75	9.5	6.25	0	35.5
17	140235	17	VŨ DIỆU LINH	04/05/2004	Nữ	9A8	8.75	6.75	6.5	0	37.25
18	140257	18	LÊ THỊ NGỌC MAI	05/05/2004	Nữ	9A8	7.75	1.75	4.75	0	26.75
19	140287	19	NGUYỄN NGỌC TRÀ MY	21/05/2004	Nữ	9A8	7	5.75	5.25	0	30.25
20	140308	20	ĐẬU THÙY KIỀU NGÂN	12/04/2004	Nữ	9A8	6	1.75	2	0	17.75
21	140310	20	LÊ NGỌC KIM NGÂN	17/09/2004	Nữ	9A8	6.5	7.25	6.75	0	33.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	140323	20	LÊ GIA NGHI	23/07/2003	Nữ	9A8	3.75	2.25	0.25	0	10.25
23	140331	1	ĐẬU TRỊNH NHƯ NGỌC	13/12/2004	Nữ	9A8	6.5	2.75	3.5	0	22.75
24	140350	1	NGUYỄN PHƯỚC NGUYỄN	10/11/2004	Nữ	9A8	7	7.25	6.25	0	33.75
25	140388	3	TRẦN TẠ PHƯƠNG NHI	15/09/2004	Nữ	9A8	7.25	8.25	3	0	28.75
26	140429	5	NGUYỄN TRẦN HOÀNG PHÚC	07/09/2004	Nam	9A8	7	4.5	5.75	0	30
27	140501	8	NGUYỄN THANH TÂM	23/12/2003	Nam	9A8	5.25	2.5	6.25	0	25.5
28	140510	8	NGUYỄN XUÂN THÁI	19/07/2004	Nam	9A8	6.25	5	5.25	0	28
29	140548	10	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	09/09/2004	Nam	9A8	7	7.5	5.25	0	32
30	140556	10	VŨ PHẠM ANH THO	03/11/2004	Nữ	9A8	8.5	6	5.5	0	34
31	140558	10	LÊ VIỆT THÔNG	12/10/2004	Nam	9A8	5.75	3.5	4	0	23
32	140565	10	LÊ BÁ ANH THƯ	22/02/2004	Nữ	9A8	6.25	2.75	3.75	0	22.75
33	140597	12	LƯU THỤY THỦY TIÊN	21/09/2004	Nữ	9A8	6.25	2.5	4.75	0	24.5
34	140605	12	NGUYỄN MINH TIẾN	06/06/2004	Nam	9A8	8	7.25	5.5	0	34.25
35	140614	12	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	01/07/2004	Nữ	9A8	7	4.75	7.25	1	34.25
36	140619	13	NGUYỄN NGỌC TRÂN	30/07/2004	Nữ	9A8	7.5	5.75	7	0	34.75
37	140646	14	ĐINH NGUYỄN THIÊN TRÚC	09/09/2004	Nữ	9A8	7.25	5.25	6	0	31.75
38	140654	14	NGUYỄN TIẾN TRUNG	07/04/2004	Nam	9A8	0	0	0	0	0
39	140704	16	NGUYỄN QUỐC VIỆT	28/07/2004	Nam	9A8	6	4.5	3.75	0	24
40	140710	16	ĐINH HOÀNG VŨ	20/09/2004	Nam	9A8	6.25	3.25	4.5	0	24.75
Tổng cộng có tất cả: 40 học sinh.											

